

## Họ Mạc và Hà Tiên thế kỷ 18: Phật giáo, hải thương và địa chính trị (P3/5)

ISSN: 2734-9195 15:02 12/07/2026

Nhờ nghệ thuật ngoại giao mềm dẻo ấy, ảnh hưởng của Cư sĩ Mạc Thiên Tích từng vượt xa phạm vi Hà Tiên. Trong một số nguồn tư liệu và truyền thuật đương thời, ông thậm chí được gắn với danh xưng “Cao Miên Vương”.

### Từ chương 21 đến hết chương 30

#### 19. Từ Chỉ Nam Chính Pháp đến “*Cảng Khẩu Quốc*”: Hà Tiên trên bản đồ hàng hải và thư tịch Thanh triều

Tuyến đường trong Chỉ Nam Chính Pháp được mô tả khá tỉ mỉ:

*“Từ cảng khẩu khởi hành, định theo hướng Ất Thìn. Nhìn về phía Bắc thấy đuôi đảo Côn Nôn xếp thành hàng dọc. Thuyền nên lái hơi thiên về phía Đông. Đo độ sâu nước được ba thác, đáy là bùn cát, ấy là chính lộ. Ra khỏi vùng nước nông, định theo hướng Khôn Thân, đi khoảng mười ba canh giờ thì đến gần núi Chân Từ.*

*Tiếp tục theo hướng Đơn Tuất, đi mười canh giờ đến núi Đại Hoàn. Lại theo hướng Tân Tuất, đi năm canh giờ đến núi Tiểu Hoàn. Vẫn theo hướng Tân Tuất, đi thêm hai mươi canh giờ thì tới núi Bút Giá. Từ đây định hướng Nhâm Tý, đi năm canh giờ đến đảo Trần Công và đảo Lê Đầu.*

*Tiếp tục theo hướng Nhâm Tý thêm năm canh giờ thì đến bãi nông Ô Nê. Thuyền chạy dọc đảo Côn Nôn khoảng hai canh giờ. Từ ngoài biển nhìn về dãy núi trên đất liền, thấy một ngọn tháp. Đó chính là tiêu mốc của bãi nông và cũng là phía Tây của Bành Phường.”*

Hải trình lượt về cũng được ghi chép cẩn thận: “Từ núi Bút Giá nhổ neo, định theo hướng Đơn Kỷ và Tốn Kỷ, đi hai mươi canh giờ. Tiếp tục theo hướng Tốn Kỷ

*thêm năm canh giờ để đến núi Đại Hoành. Nếu chọn đường ngoài biển thì theo hướng Ất Thìn; nếu đi đường trong thì theo hướng Thìn Tuất. Tiếp tục đi mười canh giờ, xuyên qua phía trong núi Chân Từ. Sau cùng, định theo hướng Đơn Dần, đi mười ba canh giờ, tiến thẳng vào Cảng Nam. Chính là nơi này."*

Đối với người đọc ngày nay, những phương vị như Ất Thìn, Khôn Thân, Đơn Tuất hay Tân Tuất có thể nghe xa lạ. Nhưng đối với người đi biển Trung Hoa thế kỷ 17-18, đó lại là ngôn ngữ của sinh tồn. Trước khi có máy định vị. Trước khi có bản đồ điện tử. Trước khi những con tàu có thể biết chính xác vị trí của mình giữa đại dương chỉ bằng một tín hiệu từ vệ tinh.

Người thủy thủ phải đọc hướng gió, nhìn màu nước, đo độ sâu, ghi nhớ đáy biển là bùn hay cát, và thuộc lòng hình dáng của từng ngọn núi có thể nhìn thấy từ ngoài khơi. Một ngọn tháp trên đất liền có thể cứu cả con thuyền. Một dãy núi hiện lên sai phía chân trời có thể báo hiệu rằng người cầm lái đã đi chệch hải trình.

Bởi vậy, việc Hà Tiên và những vùng biển phụ cận được ghi chép tỉ mỉ trong Chỉ Nam Chính Pháp mang một ý nghĩa đặc biệt. Một địa danh chỉ đi vào sách chỉ dẫn hàng hải khi những con thuyền thực sự cần phải biết đến nó. Một hải cảng chỉ được mô tả bằng phương vị, độ sâu và dấu mốc địa hình khi nó đã trở thành một phần của hải trình thường xuyên.

Chính ở điểm này, những dòng chữ tưởng như khô khan của người đi biển lại trở thành một chứng tích lịch sử đầy sức nặng. Không cần những lời ca tụng về sự phồn hoa. Không cần gọi Hà Tiên là một *"tiểu quốc hùng mạnh"*.

Chỉ cần nhìn vào những con số thủy trình trong tấu số của Lý Thị Nghiêu và những chỉ dẫn hàng hải trong Chỉ Nam Chính Pháp, người ta cũng có thể nhận ra vị trí của Hà Tiên trong thế giới biển Đông Á thế kỷ 18.

Từ Quảng Đông, những con thuyền xuôi Nam. Qua hàng nghìn dặm biển. Tìm đến Hà Tiên. Rồi từ Hà Tiên tiếp tục tiến về Chanthaburi và kinh đô Xiêm La.

Hàng hóa đi trên con đường ấy. Thương nhân đi trên con đường ấy. Tin tức, thư tín và sách vở cũng đi trên con đường ấy. Và rất có thể, những bài thơ của Quảng Đông từng đến Chiêu Anh Các cũng đã vượt biển trên chính những hải trình được người thủy thủ ghi lại trong Chỉ Nam Chính Pháp.

Nhìn từ góc độ ấy, sự phồn thịnh văn chương của Hà Tiên không thể tách rời vị trí hàng hải của vùng đất. Những con đường biển đã đưa thương nhân đến Hà Tiên. Thương nhân mang theo sách vở. Sách vở đưa những thế giới văn hóa xa xôi tìm đến nhau. Và giữa nơi giao hội của những hải lộ ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích

đã dựng nên một tao đàn: Chiêu Anh Các. Đó là một ngọn đèn văn chương được thắp sáng bên bờ biển Tây Nam. Nhưng ánh sáng của nó, theo những cánh buồm, đã vượt rất xa khỏi Hà Tiên.

## 20. “*Nam Cảng*”, “*Cảng Khẩu*” và vấn đề định danh Hà Tiên

Đối với hai địa danh “*Nam Cảng*” và “*Cảng Khẩu*” trong trước tác Chỉ Nam Chính Pháp - 1774 - Hưởng Đạt tiên sinh không đưa ra lời khảo chứng riêng biệt nào, mà chỉ chú giải ngắn gọn: “*Nam Cảng: cửa biển của Chân Lạp.*”

Trong khi đó, nhóm nghiên cứu của Trần Giai Vinh tiên sinh lại đưa ra nhận định rằng:

“*Nam Cảng, tức Cảng Nam, vốn xuất hiện trong điều mục ‘Từ cảng Nam Campuchia đi Bút Giá và Bành Phườn Tây’ của cổ thư hàng hải Trung Hoa Thuận Phong Tương Tống - 1774. Địa danh này được cho là tọa lạc tại khu vực cửa sông Mekong thuộc bờ cõi Việt Nam ngày nay; hoặc chỉ vùng Bến Long - 1774, Bang Long - về phía đông Sóc Trăng, nơi hạ lưu sông Bassac - 1774, tức sông Hậu. Bên cạnh đó, một giả thuyết khác lại định danh nơi đây chính là vùng Trà Vinh, nằm ở hạ lưu sông Cổ Chiên - 1774.*”

Nhìn từ phương vị địa lý, việc nhận định “*Nam Cảng*” và “*Cảng Khẩu*” thuộc hệ thống hải khẩu Mekong không phải là không có cơ sở. Tuy nhiên, nếu đặt vấn đề trong cục diện chính trị và kinh tế của vùng hạ lưu Chân Lạp vào sơ kỳ thế kỷ 18, cách hiểu ấy vẫn cần được mở rộng thêm.

Bấy giờ, dưới sự kinh lược của Cư sĩ Mạc Cửu, bờ cõi Hà Tiên đã vươn rộng trên một dải duyên hải kéo dài từ mũi Cà Mau đến vùng vịnh Kompong Som - 1774. Trong khi đó, Vương quốc Phật giáo Chân Lạp đang lâm vào cảnh suy yếu, nghèo nàn, nội bộ nhiều phen phân liệt, lại liên tục chịu sức ép từ chính quyền Quảng Nam của chúa Nguyễn ở phía Đông và Xiêm La ở phía Tây. Trong hoàn cảnh ấy, chính quyền Hà Tiên đã khéo léo thủ lợi từ cục diện khu vực, cân bằng thế lực giữa các quốc gia lân cận, đồng thời kiểm soát trên thực tế một vùng đất đai rộng lớn vốn thuộc phía tây sông Hậu của Hạ Chân Lạp.

Từ đó, Hà Tiên vươn lên thành một thế lực mới ở vùng duyên hải hạ lưu sông Mekong.

Hà Tiên khi ấy đã trở thành một thương cảng đối ngoại phú cường, được các nguồn tư liệu Đông – Tây biết đến rộng rãi qua danh xưng “*Cảng Khẩu Quốc*” - 1774 - tức quốc gia cảng thị. Do đó, thay vì chỉ định danh “*Nam Cảng*” hay “

*Cảng Khẩu*” như một bến thuyền cụ thể nào đó tại hạ lưu Chân Lạp, việc nhận định những địa danh này có thể gắn với toàn bộ giang sơn Hà Tiên dưới quyền cai quản của họ Mạc - tức “*Cảng Khẩu Quốc*” - sẽ tương hợp hơn với thực tế lịch sử.

Bước sang những năm Ung Chính và Càn Long triều Thanh, Hà Tiên bước vào thời kỳ thịnh trị nhất. Họ Mạc lấy điển chương, chế độ và phong hóa thời Minh làm chuẩn mực để kiến lập Văn Miếu, dựng tự viện Phật giáo, mở Nghĩ học, khuyến khích chương cú, thi thư và nếp sống văn nhã. Đồng thời, chính quyền Hà Tiên cũng dung hợp văn hóa bản địa và dành một không gian tương đối khoan hòa cho các tôn giáo phương Tây tìm đến.

Từ đó, Hà Tiên dần được bồi đắp thành một “*Y quan văn vật chi bang*” - 邑關文物之邦 - một xứ sở của lễ nhạc, văn vật và phong hóa chỉnh tề, mang đậm sắc màu Hoa hạ trên biển, nhưng lại bén rễ nơi vùng đất phương Nam đa tộc người, đa tín ngưỡng.

Nhờ vậy, nhãn quan của giới quan lại nhà Thanh về Hà Tiên ngày càng rõ ràng hơn trước. Các chương biên niên thời Thanh ghi chép về Hà Tiên xuất hiện với mật độ dày đặc hơn; giới quan lại triều đình cũng dành nhiều thiện cảm cho vùng đất này. Họ trân trọng coi “*Cảng Khẩu*” như một “*quốc gia*”, và trong một số chương sớ, văn kiện, Cư sĩ Mạc Thiên Tích còn được gọi là “*Hà Tiên Trấn mục*” - 河仙鎮目 - hoặc “*Thổ quan*”.

Ngay như bộ đại thư Hoàng Triều Văn Hiến Thông Khảo - 皇朝文獻通考 - do triều đình nhà Thanh khâm định biên soạn, một mặt xem Hà Tiên như cõi “*vực thuộc của An Nam và Xiêm La*” - 安南暹羅屬地 - mặt khác vẫn gọi nơi đây là “*Cảng Khẩu Quốc*”, thậm chí còn tôn xưng Cư sĩ Mạc Thiên Tích là “*Quốc vương*”:

“*Cảng Khẩu Quốc* - 港口國 - tọa lạc nơi vùng biển Tây Nam, vốn là cõi vực thuộc của An Nam và Xiêm La. Quốc vương nước này mang họ Mạc - 莫 - đáng đương kim thủ lĩnh danh tính là Thiên Tích, tức Mạc Thiên Tứ. Về sự biến thiên lịch sử cùng thể hệ tiên tổ đời trước của bang quốc này, nay không còn tư liệu để khảo chứng tường tận. Toàn cõi có nhiều núi cao, bờ cõi đất đai kinh lược chỉ rộng chừng vài trăm dặm. Trong vương quốc Cảng khẩu có thành trì đắp bằng gỗ, cung điện dinh thự chẳng khác gì so với Trung Hoa; từ cung thất của Quốc vương trở xuống, thủy đều được xây cất bằng gạch ngói...”

Đoạn văn ấy đặc biệt đáng chú ý. Nó cho thấy trong nhận thức của triều Thanh, Hà Tiên không chỉ là một địa danh ven biển, mà là một thực thể chính trị có hình hài tương đối rõ rệt: có vùng đất, có thành trì, có cung thất, có người cai trị và có đời sống văn vật tương đồng với thế giới Hoa hạ.

Dù cách gọi “Quốc vương” không nhất thiết phản ánh địa vị chính trị chính thức của Mạc Thiên Tích theo hệ thống chính danh Đông Á, nhưng nó cho thấy vị thế thực tế của ông trong mắt những người quan sát từ bên ngoài. Đối với họ, Hà Tiên là một vùng đất đủ đặc biệt để được ghi nhận bằng khái niệm “quốc”, và họ Mạc là dòng họ đủ quyền lực để được nhìn như những người đứng đầu một chính thể cảng khẩu nơi biển Tây Nam.

Quảng Nam, Côn Đại Ma và nhận thức địa - chính trị của giới hàng hải Trung Hoa

Trong Hải Quốc Kiến Văn Lục - 海國建文錄, một trước tác địa lý - hàng hải quan trọng do Thủy sư Đề đốc Chiết Giang Trần Luân Quýnh - 陳倫瑣, 1687-1751 - biên soạn và hoàn thành vào năm Ung Chính thứ tám, tức năm 1730, có đoạn ghi chép đáng chú ý về cương vực và thế lực của Quảng Nam:

*“Nước Quảng Nam, cũng gọi là An Nam... thế lực mạnh hơn Giao Chỉ; phía Nam cai quản Lộc Lại, Campuchia, Côn Đại Ma; phía Tây Nam giáp Xiêm La, phía Tây Bắc tiếp Miến Điện.”*

Đoạn văn tuy ngắn, nhưng mở ra trước mắt người đọc một bức tranh địa - chính trị hết sức đáng chú ý về vùng bán đảo Đông Nam Á trong nhận thức của giới hàng hải Trung Hoa đầu thế kỷ 18.

Ở đây, Quảng Nam được đặt đối lập với Giao Chỉ, phản ánh cách thư tịch Trung Hoa đương thời phân biệt chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong với vùng Đàng Ngoài do họ Trịnh kiểm soát dưới danh nghĩa triều Lê. Đáng chú ý hơn, phía Nam Quảng Nam lại được liệt kê các địa danh Lộc Lại, Campuchia và Côn Đại Ma như những không gian địa lý có tên gọi và diện mạo riêng biệt.

“Lộc Lại” - 鹿寮 - trong thư tịch Trung Hoa còn được ghi bằng nhiều dị thể như Long Nại - 龍奈, Lục Nại - 陸奈, Nông Nại - 農奈, Lạp Lại - 臘賴, và trong những nguồn khác lại có liên hệ với Sài Côn — 賽公. Các danh xưng ấy, dù phiên âm không hoàn toàn thống nhất, nhìn chung đều chỉ vùng Đồng Nai - Gia Định - Sài Gòn trong không gian Nam Bộ ngày nay.

Nguồn gốc của tên gọi Long Nại hay Nông Nại thường được liên hệ với địa danh Đồng Nai. Từ miền cao nguyên phía Nam Trung Bộ, dòng Đồng Nai xuôi về Tây Nam, đi qua một vùng lưu vực rộng lớn trước khi hòa vào hệ thống sông ngòi Gia Định và đổ ra Biển Đông. Chính dòng sông ấy đã trở thành một trong những trục thủy lộ quan trọng của tiến trình khai phá miền Đông Nam Bộ.

Theo thời gian, trong cách ghi chép của thương nhân và những người đi biển Trung Hoa, tên gọi Đồng Nai - qua nhiều lớp phiên âm - dần không chỉ dùng để

chỉ riêng một dòng sông, mà đôi khi còn được mở rộng để nhận diện cả một vùng đất rộng lớn ở phương Nam.

Điều đáng chú ý là trong cùng hệ thống nhận thức ấy, Côn Đại Ma cũng được đặt cạnh Lộc Lại và Campuchia. Cách ghi này cho thấy, đối với giới hàng hải Trung Hoa đầu thế kỷ 18, vùng Hà Tiên - Côn Đại Ma không phải là một địa danh nhỏ lẻ, mà là một đơn vị không gian có vị trí riêng trong bản đồ chính trị - thương mại của phương Nam.

Từ góc nhìn ấy, các thư tịch Trung Hoa đã vô tình phản ánh một sự thật lịch sử quan trọng: vùng đất dưới quyền họ Mạc tuy nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Đàng Trong, nhưng vẫn hiện lên như một thực thể có tên gọi, có quyền lực địa phương và có vai trò đáng kể trong mạng lưới hải thương khu vực.

Khi đặt Chỉ Nam Chính Pháp, Hoàng Triều Văn Hiến Thông Khảo và Hải Quốc Kiến Văn Lục cạnh nhau, hình ảnh Hà Tiên hiện ra ngày càng rõ nét. Đó là một cửa biển được người đi biển ghi nhớ bằng phương vị và độ sâu; là một “*Cảng Khẩu Quốc*” được triều Thanh ghi nhận bằng ngôn ngữ chính trị; là một vùng đất gắn với Côn Đại Ma trong nhận thức hàng hải Trung Hoa; và là một trung tâm thương mại - văn hóa đặc biệt dưới quyền cai quản của họ Mạc.

Những ghi chép ấy không chỉ góp phần xác nhận vị thế địa lý của Hà Tiên trong thế giới biển Đông Á, mà còn cho thấy sức lan tỏa đáng kể của chính quyền họ Mạc trong không gian khu vực. Từ một vùng biên hải nơi cực Tây Nam, Hà Tiên đã bước vào hải trình của thương thuyền, đi vào thư tịch của văn nhân, hiện diện trong tấu sớ của triều đình và được ghi dấu trong địa chí của nhiều truyền thống sử liệu khác nhau.

Đó là bằng chứng rõ ràng cho thấy Hà Tiên không chỉ thuộc về lịch sử mở cõi của dân tộc Việt Nam, mà còn là một mắt xích quan trọng trong lịch sử hàng hải Đông Nam Á.

Một vùng đất nhỏ, nhưng nằm giữa những hải lộ lớn. Một chính thể biên viễn, nhưng được nhận diện trong thư tịch của các triều đình và trong ký ức thực địa của giới hàng hải. Một thương cảng phương Nam, nhưng đủ sức vượt khỏi giới hạn địa phương để bước vào bản đồ nhận thức của Đông Á thế kỷ 18.

Chính nơi ấy, bên bờ biển Tây Nam, Hà Tiên đã hiện lên như một “*Cảng Khẩu Quốc*” đặc biệt - nơi quyền lực địa phương được tổ chức bằng trí lược, thương mại được mở rộng bằng tầm nhìn biển cả, văn hóa được vun bồi bằng tinh thần văn hiến, và Phật pháp âm thầm thấm sâu vào đời sống cộng đồng như dòng suối từ bi, trí tuệ. Trong sự hội tụ ấy, Hà Tiên không chỉ là một cửa biển giao



thương, mà còn là một không gian lịch sử có linh hồn: nơi đất và biển gặp nhau, nơi người lưu dân tìm thấy chốn an cư, nơi đạo nghĩa nâng đỡ chính trị, và nơi ánh sáng Phật pháp góp phần làm dịu những phong ba của miền biên viễn.

Bởi vậy, khi nhìn lại Hà Tiên dưới thời họ Mạc, ta không chỉ thấy một thương cảng phồn hoa nơi cuối trời phương Nam, mà còn thấy một vùng đất biết tự khẳng định mình giữa những chuyển động rộng lớn của thời đại; một miền biên hải tuy nhỏ bé về địa dư, nhưng lớn lao về vị thế lịch sử, văn hóa và tâm linh trong dòng chảy của Đông Á hải thương.

## **21. Côn Đại Ma, Cảng Khẩu và hình ảnh Hà Tiên như một “cảng quốc” trong nhận thức hàng hải thế kỷ 18**

Đến cuối thế kỷ 18, khi cục diện Đàng Trong rơi vào những biến động dữ dội của phong trào Tây Sơn, vùng Gia Định - Sài Gòn càng trở thành một trung tâm chính trị quan trọng.

Năm Canh Tý (1780), Nguyễn Phúc Ánh (1762-1820), tức Nguyễn Ánh - 阮福暎 - người kế tục cơ nghiệp chúa Nguyễn và về sau trở thành Hoàng đế Gia Long, đã lấy Gia Định làm một trong những căn cứ trọng yếu trong cuộc chiến với Tây Sơn. Những biến động chính trị kéo dài vào cuối thế kỷ 18 khiến địa danh Long Nại trong một số thư tịch hàng hải Trung Hoa về sau được gắn với ý niệm về một “cựu đô” hay nơi từng đặt trung tâm quyền lực của Nguyễn Ánh.

Trong Hải Lục của Tạ Thanh Cao, dấu vết của nhận thức địa lý - chính trị ấy vẫn còn được lưu lại.

Nhưng nếu Lộc Lại hay Long Nại được dùng để chỉ vùng Đồng Nai - Gia Định, thì Côn Đại Ma trong Hải Quốc Kiến Văn Lục lại chính là một tên gọi liên quan đến Hà Tiên.

Điều đáng chú ý nằm ở cách Trần Luân Quýnh sắp đặt các địa danh: Quảng Nam. Lộc Lại. Campuchia. Côn Đại Ma.

Những vùng đất ấy cùng xuất hiện trong một hệ thống mô tả địa lý, nhưng lại được gọi bằng những danh xưng riêng. Dĩ nhiên, không thể chỉ dựa vào cách liệt kê ấy để khẳng định rằng Hà Tiên là một quốc gia hoàn toàn độc lập theo ý nghĩa của khái niệm chủ quyền hiện đại. Bản đồ và thư tịch hàng hải cổ thường phản ánh nhận thức thực dụng của người đi biển hơn là một hệ thống pháp lý quốc tế chặt chẽ.

Nhưng chính cách ghi chép ấy lại cho thấy một điều rất đáng suy ngẫm.

Trong con mắt của người Trung Hoa đương thời, Hà Tiên có một diện mạo đủ riêng biệt để được gọi bằng tên riêng, được xác định như một điểm đến riêng và được đặt cạnh những không gian chính trị – địa lý lớn trong khu vực.

Nói cách khác, Hà Tiên tuy giữ quan hệ thần thuộc với chúa Nguyễn, nhưng hình ảnh của vùng đất này trong thế giới hàng hải bên ngoài dường như không hoàn toàn hòa lẫn vào Quảng Nam.

Đó chính là nét đặc thù của Hà Tiên.

Một vùng đất thuộc về Đàng Trong trên phương diện quan hệ chính trị. Nhưng lại mang một diện mạo riêng trong nhận thức của thương nhân và người đi biển quốc tế.

Nếu mượn cách diễn đạt của sử học chính trị, Hà Tiên dưới thời họ Mạc phần nào mang dáng dấp của một “*quốc trung chi quốc*” - 國中之國 - một thực thể nằm trong phạm vi quyền lực rộng lớn hơn, nhưng vẫn duy trì không gian tự trị đáng kể về nội trị, quân sự và thương mại.

Cách nhìn ấy về sau còn được các học giả Trung Hoa hiện đại tiếp tục khảo luận. Khi hiệu đính và chú giải Hải Quốc Kiến Văn Lục, học giả Lý Trường Phó - 李長福, 1899-1966 - một nhà nghiên cứu lịch sử và địa lý Trung Quốc, đã chú giải về Côn Đại Ma đại ý rằng:

*“Côn Đại Ma tức Hà Tiên, nằm ở miền Tây Nam Nam Kỳ. Vùng đất này được người Xiêm gọi là Banteay Meas, từng được khai phá vào cuối thế kỷ XVII bởi Mạc Cửu, người Lô Lô Châu, một di dân từ Trung Hoa. Năm 1708, chúa Nguyễn ở Quảng Nam phong ông làm Tổng binh Hà Tiên. Năm 1736, con trai là Thiên Tích kế nghiệp. Đương thời, Hà Tiên trở thành một thương cảng phồn thịnh ở bờ Đông vịnh Xiêm, nơi thương nhân người Hoa và ngoại quốc tụ hội.”*

Trong một số ghi chép và diễn giải về sự phồn thịnh của Hà Tiên, vùng cảng thị này còn được ví như một “*Tiểu Quảng Châu*” - 小廣州 .

Cách ví von ấy thật đáng suy ngẫm. Quảng Châu từ lâu đã là một trong những cửa ngõ hàng hải lớn nhất của Trung Hoa. Gọi Hà Tiên là “*Tiểu Quảng Châu*” không phải vì vùng đất này có quy mô tương đương với đại thương cảng Hoa Nam. Điều mà cách gọi ấy muốn gợi lên chính là sinh khí của một đô thị thương nghiệp: nơi thương thuyền cập bến, nơi Hoa thương tụ hội, nơi hàng hóa từ nhiều vùng biển được trao đổi, và nơi những con người đến từ nhiều nền văn hóa có thể gặp nhau.



Một Hà Tiên như thế đã thực sự tồn tại bên bờ Đông vịnh Xiêm vào thế kỷ 18.

Nhận thức ấy còn được phản ánh một cách đặc biệt trên Tứ Hải Tổng Đồ -  - đính kèm Hải Quốc Kiến Văn Lục. Trên đồ bản này, ở phía Nam Giao Chỉ và Quảng Nam, những địa danh như Chiêm Thành, Lộc Lại, Campuchia và Côn Đại Ma đều được ghi nhận tương đối rõ.

Nhưng có một chi tiết gây chú ý. Côn Đại Ma được thể hiện gần như một hòn đảo lớn nằm giữa biển. Nếu đối chiếu với địa lý thực tế, cách vẽ ấy hiển nhiên không chính xác. Hà Tiên không phải một đảo quốc.

Tuy nhiên, chính sự “sai lệch” ấy của bản đồ cổ lại mang một giá trị nhận thức sử học đặc biệt. Bản đồ hàng hải thời tiền hiện đại không phải lúc nào cũng nhằm tái hiện chính xác đường bờ biển theo tiêu chuẩn trắc địa ngày nay. Nhiều đồ bản được xây dựng từ ký ức của thủy thủ, lời kể của thương nhân và những tuyến hải hành đã được truyền lại qua nhiều thế hệ.

Đối với người đi biển, điều quan trọng đôi khi không phải một vùng đất nối với lục địa bằng hình thể nào. Điều quan trọng là:

Từ cảng trước phải đi bao lâu mới đến đó? Nhìn thấy ngọn núi nào? Đi qua đảo nào? Và tại nơi ấy, ai là người cai quản?

Bởi vậy, việc Côn Đại Ma được vẽ như một không gian tách biệt có thể phản ánh chính cách người đi biển hình dung về Hà Tiên: một cảng thị có diện mạo riêng, một điểm dừng độc lập trên hải trình, và một vùng đất được nhận biết bằng chính tên gọi của nó.

Một hiện tượng tương tự cũng xuất hiện trong Hải Đảo Dật Chí - , tác phẩm du ký - địa chí chữ Hán do Vương Đại Hải -  - biên soạn vào năm Tân Hợi (1791) dưới triều Thanh.

Trong những mô tả và đồ hình liên quan đến hải trình phương Nam, An Nam và Cảng Khẩu được nhận diện như hai địa điểm riêng biệt. Cảng Khẩu - danh xưng thường được liên hệ với Hà Tiên - hiện lên như một vùng đất nằm cách biệt với không gian An Nam trên đất liền.

Một lần nữa, không nên đọc những đồ hình ấy như bản đồ hành chính hiện đại. Nhưng cũng không thể xem nhẹ thông điệp mà chúng lưu giữ.

Trong thế giới quan của nhiều người đi biển Trung Hoa thế kỷ 18, Hà Tiên là một nơi “khác”. Họ biết Quảng Nam. Họ biết An Nam. Họ biết Campuchia. Họ biết Xiêm La. Và họ cũng biết Cảng Khẩu - Côn Đại Ma - Hà Tiên. Mỗi địa danh là

một điểm trên hải trình. Mỗi điểm có người cai quản. Có luật lệ. Có thương cảng. Và có một diện mạo chính trị riêng trong trí nhớ của những người vượt biển.

Chính vì vậy, khi khảo sát các thư tịch và hải đồ triều Thanh, chúng ta có thể nhận ra vị thế hết sức đặc biệt của Hà Tiên dưới thời họ Mạc. Trên phương diện danh nghĩa, Hà Tiên thần thuộc chúa Nguyễn. Trong hệ thống chính trị Đàng Trong, người đứng đầu họ Mạc tiếp nhận sắc phong từ Phú Xuân. Nhưng trên mặt biển, trong con mắt của thương nhân và các nhà hàng hải ngoại quốc, Hà Tiên lại hiện lên như một cảng quốc có bản sắc riêng.

Có người gọi là Côn Đại Ma. Có người gọi là Cảng Khẩu. Người phương Tây ghi Cancar, Can Cao hay Ponthiamas. Tên gọi khác nhau. Ngôn ngữ khác nhau. Nhưng tất cả đều hướng về một vùng đất nằm bên bờ Đông vịnh Xiêm - nơi dòng họ Mạc đã dựng nên một thương cảng phồn thịnh giữa thế kỷ 18.

Phải chăng chính vì thế mà Hà Tiên có thể được nhìn nhận như một dạng “*thuộc quốc*” - 附屬 - đặc thù trong nhận thức của một bộ phận người đương thời?

Không hoàn toàn độc lập. Nhưng cũng không phải một đơn vị hành chính thông thường. Không đứng ngoài ảnh hưởng của chúa Nguyễn. Nhưng vẫn giữ một không gian tự trị rộng lớn. Hà Tiên tồn tại giữa những ranh giới ấy.

Và có lẽ, chính vị thế vừa thuộc về một trật tự chính trị lớn hơn, vừa mang bản sắc quản trị riêng đã tạo nên sức sống đặc biệt của vùng đất họ Mạc. Bởi ở nơi ấy, những cánh cửa luôn hướng ra biển.

Từ Quảng Châu, thương thuyền tìm đến. Từ Xiêm La, những hải lộ nối về. Từ Chân Lạp, các dòng người qua lại. Và từ Hà Tiên, hàng hóa, thư tín, thi văn cùng những tư tưởng mới lại theo gió mùa vượt trùng dương. Trên những tấm hải đồ cổ, người xưa có thể đã vẽ sai hình dáng Hà Tiên. Nhưng họ không quên tên vùng đất ấy. Và đôi khi, trong lịch sử hàng hải, việc một thương cảng được những người vượt biển nhớ tên đã là một chứng tích sâu sắc về vị thế của nó trong thế giới đương thời.

## **22. Hà Tiên trong cơn chấn động Miến - Xiêm và tầm nhìn chiến lược của triều Thanh**

Năm Bính Tuất (1766), nhằm niên hiệu Càn Long thứ ba mươi mốt, chiến cuộc Miến - Xiêm bước vào giai đoạn vô cùng dữ dội. Quân Miến Điện liên tiếp tiến công vương quốc Ayutthaya, đẩy triều đình Xiêm La đến bên bờ sụp đổ. Những biến động quân sự lớn lao ấy nhanh chóng làm chấn động toàn bộ mạng lưới chính trị và thương mại ở Đông Nam Á.

Đối với triều đình nhà Thanh, đây không phải là một cuộc chiến xa xôi không liên quan. Miến Điện nằm ở vùng biên giới Tây Nam của đế quốc. Xiêm La là một quốc gia có quan hệ giao thương lâu đời với thương nhân Trung Hoa. Còn những tuyến đường biển từ Quảng Đông xuống Nam Dương lại đi qua các cảng thị nằm trong vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của cuộc chiến.

Bởi vậy, triều đình Thanh đặc biệt chú ý đến diễn biến tại khu vực. Sau khi nhận được tin tức về tình hình Xiêm La, triều đình hạ lệnh cho chính quyền Lưỡng Quảng bí mật phái người theo đường biển xuống phương Nam dò xét cục diện. Điều đáng chú ý là điểm đến được lựa chọn để thu thập tin tức lại chính là Hà Tiên. Chi tiết ấy tự nó đã nói lên nhiều điều.

Giữa một vùng biển rộng lớn với hàng loạt cảng thị, triều đình nhà Thanh đã tìm đến Hà Tiên để hỏi về tình hình Xiêm La. Bởi Hà Tiên nằm gần trung tâm biến động. Bởi thương thuyền nhiều phương thường xuyên qua lại nơi đây. Và có lẽ quan trọng hơn, chính quyền họ Mạc sở hữu một mạng lưới thông tin đủ rộng để theo dõi những chuyển động đang diễn ra trên bán đảo Đông Nam Á.

Đến tháng Bảy năm 1769, niên hiệu Càn Long thứ ba mươi bốn, phái viên hoàn thành nhiệm vụ và trở về Quảng Đông.

Tổng đốc Lưỡng Quảng Lý Thị Nghiêu - 李士儀 - sau đó dâng tấu chương lên Hoàng đế Càn Long. Kèm theo bản tấu là một bản tóm lược tình hình chiến tranh Miến - Xiêm, một công văn của Mạc Thiên Tích và đặc biệt là bức Quảng Đông chí Xiêm La thành hải đạo trình đồ - 廣東志 西貢海程圖 - tức Bản đồ hải trình từ Quảng Đông đến kinh thành Xiêm La.

Đây là một đồ bản có giá trị đặc biệt đối với việc nghiên cứu lịch sử hàng hải và nhận thức địa lý của triều Thanh về khu vực Đông Nam Á thế kỷ 18. Sự kiện ấy cho thấy Hà Tiên không chỉ là một thương cảng phồn thịnh hay một vùng biên viễn dưới quyền họ Mạc. Trong mắt triều Thanh, Hà Tiên còn là một điểm tiếp xúc thông tin quan trọng, nơi có thể thu nhận tin tức về Xiêm La, Miến Điện và những biến động đang lan rộng khắp vùng vịnh Xiêm.

Một cuộc chiến xảy ra tại Ayutthaya. Nhưng dư chấn của nó truyền đến Quảng Đông. Và ở giữa đường dây thông tin ấy, Hà Tiên hiện lên như một trạm trung chuyển đặc biệt của thế giới biển Đông Nam Á.

Từ đây, vai trò của Cư sĩ Mạc Thiên Tích cũng được nhìn nhận dưới một chiều kích rộng hơn. Ông không chỉ là người cai quản một trấn biên của Đàng Trong, không chỉ là chủ soái của một thương cảng tự trị, mà còn là nhân vật được các thế lực lớn trong khu vực tìm đến khi cần hiểu về cục diện phương Nam.

Công văn của ông được đưa vào hệ thống tấu sớ của triều Thanh. Tên Hà Tiên xuất hiện trên hải đồ từ Quảng Đông đến Xiêm La. Và chính quyền họ Mạc, qua sự kiện này, đã chứng tỏ rằng mình đang đứng ở giao điểm của nhiều luồng quyền lực: Đàng Trong, Chân Lạp, Xiêm La, Miến Điện và cả đế quốc Thanh ở phương Bắc.

Một vùng đất nhỏ bên bờ biển Tây Nam, nhưng lại trở thành nơi các triều đình lớn lắng nghe tin tức. Một thương cảng nơi biên viễn, nhưng đủ vị trí để đi vào bản đồ chiến lược của Đông Á. Chính điều đó càng làm nổi bật vị thế đặc biệt của Hà Tiên trong thế kỷ 18: một cửa ngõ hàng hải, một trung tâm thương mại, một không gian văn hóa, và đồng thời là một điểm quan sát địa chính trị quan trọng giữa cơn bão Miến - Xiêm đang làm rung chuyển cả bán đảo Đông Nam Á.



Miếu Mạc Công, nơi phụng thờ Đức Quốc công Mạc Cửu. Ảnh người dịch cung cấp.

## 23. Hà Tiên trên hải đồ triều Thanh và trong ký ức hàng hải của Tà Thanh Cao

Trên tuyến hải trình kéo dài từ Hoa Nam xuống vịnh Xiêm, những địa danh như Đông Kinh, Chiêm Thành, Hà Tiên Trấn, Chiêm Trạch Vãn và thành Xiêm La lần lượt xuất hiện giữa hai không gian rộng lớn được ghi là “*An Nam Quốc*” và “*Xiêm La Quốc*”.

Đáng chú ý, trên đồ bản, các địa danh quan trọng ấy được thể hiện bằng một hệ thống ký hiệu tương đối tương đồng.

Nếu đọc bản đồ theo tiêu chuẩn hành chính hiện đại, người ta rất dễ đi đến kết luận rằng các địa điểm ấy được xem như những thực thể chính trị ngang hàng. Tuy nhiên, bản đồ hàng hải thế kỷ 18 không hoàn toàn vận hành theo logic của bản đồ quốc gia ngày nay.

Đối với người biên soạn hải trình, điều quan trọng trước hết là xác định những trung tâm quyền lực, cảng thị và điểm dừng có ý nghĩa đối với người đi biển.

Bởi vậy, chính việc Hà Tiên được đánh dấu riêng biệt bên cạnh Đông Kinh, Chiêm Thành, Chiêm Trạch Ván và kinh thành Xiêm La đã cho thấy vùng đất họ Mạc là một địa điểm có vị thế đủ quan trọng để được nhận diện như một trung tâm riêng trên hải lộ.

Xét về địa danh học, Đông Kinh là kinh đô của triều Hậu Lê, tức Thăng Long - Hà Nội ngày nay. Trong thế kỷ 18, dù vua Lê vẫn giữ ngôi vị danh nghĩa, quyền lực thực tế tại Đàng Ngoài nằm trong tay các chúa Trịnh.

“*Chiêm Thành*” trên một số thư tịch và hải đồ Trung Hoa thời ấy lại là một danh xưng có nội hàm phức tạp hơn. Trong nhiều trường hợp, người đi biển Trung Hoa tiếp tục sử dụng những tên gọi địa lý cũ để nhận diện vùng duyên hải miền Trung thuộc phạm vi cai quản của chúa Nguyễn. Vì vậy, cần thận trọng khi đồng nhất hoàn toàn “*Chiêm Thành*” trên hải đồ với toàn bộ chính quyền Đàng Trong; tuy nhiên, trong bối cảnh của tuyến hàng hải phương Nam, tên gọi này rõ ràng có liên hệ với vùng Thuận Hóa - Quảng Nam và không gian quyền lực của các chúa Nguyễn.

Chiêm Trạch Ván, còn được phiên âm Tiêm Trúc Ván, chính là Chanthaburi ngày nay - một đô thị ven biển quan trọng ở phía Đông Nam Xiêm La. Đây là khu vực có mạng lưới giao thương đường thủy phát triển và từ lâu đã có đông đảo Hoa kiều đến cư trú, buôn bán.

Giữa những trung tâm ấy, Hà Tiên Trấn được ghi bằng chính tên gọi riêng của mình.

Không bị hòa lẫn vào một địa danh chung của An Nam.

Không bị đặt như một chú thích nhỏ phụ thuộc vào Quảng Nam.

Mà hiện diện rõ ràng trên hải trình. Điều ấy không đủ để chứng minh Hà Tiên là một quốc gia độc lập theo ý nghĩa pháp lý hiện đại. Nhưng nó cho thấy một



thực tế khó phủ nhận: trong nhận thức địa - chính trị và hàng hải của nhà Thanh, Hà Tiên là một trung tâm quyền lực vùng biển có diện mạo riêng.

Nơi đó có người đứng đầu. Có bộ máy quản trị. Có khả năng cung cấp thông tin về tình hình các quốc gia lân cận. Và thậm chí có thể trực tiếp trao đổi công văn với những phái viên được chính quyền Lương Quảng sai đến dò xét tình hình.

Nhìn từ góc độ ấy, công văn của Cư sĩ Mạc Thiên Tích được đính kèm trong tấu chương Lý Thị Nghiêu mang một ý nghĩa rất đáng suy ngẫm. Hà Tiên không chỉ là đối tượng được hỏi đến. Hà Tiên là một nguồn cung cấp tin tức. Giữa cuộc chiến làm sụp đổ vương triều Ayutthaya, triều đình nhà Thanh muốn hiểu chuyện gì đang xảy ra ở Xiêm La. Và một trong những nơi họ tìm đến để thu thập câu trả lời chính là vùng đất của họ Mạc.

Nếu những tấu sớ và hải đồ của triều Càn Long phản ánh Hà Tiên qua con mắt của bộ máy hành chính nhà Thanh, thì sang đầu thế kỷ XIX, những ghi chép của người đi biển Trung Hoa lại tiếp tục lưu giữ hình ảnh vùng đất này trong một không gian địa lý mang tên “*Bản Địa Quốc*” - 本國地 .

Một trong những nguồn tư liệu đáng chú ý là Hải Lục - 海錄 .

Người cung cấp phần lớn tri thức thực địa cho tác phẩm này là Tạ Thanh Cao - 謝清高 , 1765-1821 - người Gia Ứng Châu, tỉnh Quảng Đông, sống qua hai triều Càn Long và Gia Khánh.

Cuộc đời Tạ Thanh Cao gần như gắn liền với biển cả.

Thuở thiếu thời, ông theo thuyền ra khơi buôn bán. Trong một chuyến hải hành, con thuyền gặp nạn giữa biển. Tạ Thanh Cao may mắn được một tàu phương Tây cứu sống.

Biến cố ấy đã làm thay đổi cả cuộc đời ông. Từ một người đi biển Trung Hoa, Tạ Thanh Cao bước lên những con tàu viễn dương của người phương Tây và theo họ đi qua nhiều vùng biển xa lạ. Ông có cơ hội đặt chân đến nhiều quốc gia, quan sát những thương cảng và tiếp xúc với các cộng đồng mà phần lớn người Trung Hoa đương thời chỉ biết qua lời truyền kể. Năm tháng lênh đênh đã biến ông thành một kho tri thức sống về thế giới hải ngoại.

Sau này, Tạ Thanh Cao trở về định cư tại Ma Cao. Năm Gia Khánh thứ hai mươi lăm, tức năm Canh Thìn (1820), ông gặp người đồng hương Dương Bính Nam - 楊秉南 . Hai người đàm đạo và nhanh chóng trở nên tâm đắc.



Dương Bính Nam nhận ra rằng trong ký ức của người thủy thủ từng trải trước mặt mình là cả một thế giới rộng lớn. Một thế giới của biển. Của những hòn đảo. Của các quốc gia phương xa. Và của những con đường mà thương thuyền Trung Hoa đã đi qua trong nhiều thế hệ.

Ông quyết định ghi lại lời kể của Tạ Thanh Cao. Trên cơ sở những điều được thuật lại, đồng thời tham khảo và khảo chứng thêm nhiều thư tịch khác, Dương Bính Nam biên soạn thành Hải Lục - một tác phẩm địa lý và kiến văn hải ngoại được hoàn thành vào năm 1820.

Trong sách, nhiều quốc gia và vùng đất từ châu Á, châu Âu đến châu Mỹ được lần lượt mô tả. Nhưng đối với lịch sử Hà Tiên, có một địa danh đặc biệt đáng chú ý:

Bản Địa Quốc - 本國 .

Ngay trong phần đầu của Hải Lục, tại mục “*Vạn Sơn*”, tác giả mô tả tuyến đường biển từ vùng ngoài khơi Quảng Đông xuống Nam Dương. Vạn Sơn, còn được gọi là Lỗ Vạn Sơn, là một vùng đảo ngoài cửa biển Quảng Châu. Từ đây, những con thuyền rời Hoa Nam, vượt qua Thất Châu Dương rồi tiến xuống vùng biển Việt Nam.

Theo lời thuật trong Hải Lục, sau khi đến Long Nại, thuyền: “*Từ Long Nại nương theo gió Bắc, đi hơn một ngày thì đến Bản Địa Quốc.*”

Chỉ một câu ngắn. Nhưng nó mở ra một vấn đề địa lý rất đáng chú ý. Long Nại, như đã trình bày, thường được liên hệ với vùng Đồng Nai – Gia Định. Từ Long Nại, theo gió Bắc đi hơn một ngày, thuyền đến một nơi được gọi là “*Bản Địa Quốc*”.

Ngay sau đó, Hải Lục dành riêng một điều mục độc lập để khảo tả vùng đất này. Cách bố trí của tác phẩm rất đáng suy ngẫm. Tạ Thanh Cao không ghi đây chỉ là một huyện. Không gọi là một phủ. Cũng không đơn giản đặt nó như một địa danh phụ thuộc trong mục An Nam. Ông gọi nơi ấy là “*quốc*”. Bản Địa Quốc.

Dĩ nhiên, chữ “*quốc*” trong thư tịch hàng hải Trung Hoa thời tiền hiện đại không phải lúc nào cũng tương ứng với khái niệm quốc gia có chủ quyền trong luật pháp quốc tế ngày nay. Đối với người đi biển, một vùng đất có người cai quản riêng, có cảng thị riêng và có thể được nhận diện như một điểm đến riêng biệt đôi khi cũng được gọi là “*quốc*”.

Nhưng chính cách gọi ấy vẫn mang một giá trị sử liệu quan trọng. Nó phản ánh nhận thức của người đương thời. Trong trí nhớ của một nhà hàng hải từng đi qua nhiều đại dương, vùng đất nằm cách Long Nại hơn một ngày đường biển

không hoàn toàn hòa lẫn vào An Nam. Nó có tên riêng. Có mục riêng. Và được gọi bằng một danh xưng chính trị riêng:

Bản Địa Quốc. Vậy vùng đất ấy là đâu? Những mô tả tiếp theo trong Hải Lục sẽ dần đưa chúng ta trở lại một địa danh đã nhiều lần xuất hiện trên các hải đồ, tấu sớ và thư tịch phương Nam. Đó là Hà Tiên. Vùng đất của họ Mạc. Một thương cảng mà người phương Tây từng gọi là Cancar hay Ponthiamas. Một nơi mà thư tịch Trung Hoa từng ghi là Cảng Khẩu, Côn Đại Ma. Và nay, trong ký ức của một nhà hàng hải Quảng Đông từng trải qua những năm tháng lênh đênh trên biển cả, Hà Tiên lại hiện lên dưới một tên gọi khác:

Bản Địa Quốc. Danh xưng ấy, dù còn cần được tiếp tục đối chiếu với nhiều nguồn tư liệu khác, vẫn góp thêm một mảnh ghép quan trọng vào bức tranh nhận thức về Hà Tiên trong thế giới hàng hải Đông Á. Nó cho thấy vùng đất này không chỉ được biết đến qua sử liệu triều đình, qua hải đồ chính thức hay qua ghi chép của các nhà du hành phương Tây, mà còn in dấu trong ký ức thực địa của những người từng sống với biển. Trong dòng ký ức ấy, Hà Tiên không phải chỉ là một điểm mờ ở cuối bản đồ An Nam. Nó là một nơi có thể đến. Một nơi có thể neo thuyền. Một nơi có thể mua bán. Một nơi có người cai quản. Một nơi có tên riêng trong trí nhớ của người đi biển.

Từ Hà Tiên Trấn trong đồ bản triều Thanh, Cảng Khẩu trong thư tịch hàng hải, Côn Đại Ma trong Hải Quốc Kiến Văn Lục, đến Bản Địa Quốc trong Hải Lục, hình ảnh Hà Tiên hiện lên qua nhiều lớp danh xưng khác nhau. Mỗi danh xưng là một lăng kính. Mỗi lăng kính phản chiếu một phần vị thế của vùng đất họ Mạc trong thế giới biển thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.

Những tên gọi ấy có thể không hoàn toàn thống nhất. Những bản đồ ấy có thể chưa chính xác theo tiêu chuẩn địa lý hiện đại. Những người ghi chép ấy có thể nhìn Hà Tiên từ những vị thế khác nhau: quan lại, thủy thủ, thương nhân, học giả hay nhà du hành. Nhưng tất cả cùng xác nhận một điều: Hà Tiên đã từng là một địa danh được nhận biết, được gọi tên và được ghi nhớ trên các hải trình phương Nam. Một vùng đất nhỏ nơi bờ Đông vịnh Xiêm. Nhưng đủ sức hiện diện trong bản đồ của triều đình. Trong ký ức của thủy thủ. Trong sổ tay của người đi biển. Và trong các thư tịch mô tả thế giới hải ngoại của Đông Á.

Chính vì vậy, khi đọc lại những danh xưng như Hà Tiên Trấn, Cảng Khẩu, Côn Đại Ma hay Bản Địa Quốc, ta không chỉ đọc những tên gọi cổ. Ta đang lần theo dấu vết của một thương cảng từng giữ vai trò đặc biệt trong lịch sử hàng hải, thương mại, ngoại giao và văn hóa của phương Nam.

Và phía sau những tên gọi ấy vẫn thấp thoáng bóng dáng của họ Mạc - những con người đã biến một vùng biên hải xa xôi thành một cảng thị có tên tuổi, một không gian văn hiến và một điểm giao hội giữa biển cả, quyền lực, thương mại, thi ca và Phật pháp.

## 24. “*Bản Địa Quốc*” trong Hải Lục: Một tên gọi khác của Hà Tiên - Cảng Khẩu?

Theo ghi chép trong thư tịch cổ, vùng đất được gọi là “*Bản Địa Quốc*” - 本國地 - hay Khâm Minh - 欽明 - nằm tại một vị trí chiến lược ở phía Tây Nam không gian Việt Nam hiện nay, giữa hai thế lực lớn đương thời là Đại Việt và Xiêm La. Một số cổ thư từng nêu giả thuyết rằng nơi đây có thể là Chiêm Thành. Tuy nhiên, nếu đối chiếu tọa độ địa lý, tuyến hải hành và bối cảnh chính trị khu vực, nhiều khả năng địa danh này phải được đặt trong không gian Hà Tiên - Cảng Khẩu, hoặc ít nhất là một vùng thuộc Hạ Chân Lạp xưa, nằm gần phạm vi ảnh hưởng của họ Mạc.

Thư tịch mô tả cư dân nơi đây có diện mạo, tiếng nói và phong tục khác biệt với người Việt. Sản vật của vùng đất này cũng hết sức phong phú: từ chì, thiếc, ngà voi, chim công, phỉ thúy, lông đuôi chim kiếm, cho đến những sản vật bình dị của miền sông nước như khô cá lóc. Đặc biệt, từ hải cảng nơi đây, nếu thuận theo gió Đông Bắc, thuyền buôn đi về hướng Tây khoảng năm đến sáu ngày có thể đến các cảng thị của Xiêm La.

Những chi tiết ấy đều rất đáng chú ý.

Một mặt, chúng cho thấy “*Bản Địa Quốc*” không phải là một địa danh mơ hồ trong trí tưởng tượng của người biên soạn. Nơi ấy có cư dân, sản vật, hải cảng và tuyến đường biển xác định. Mặt khác, khoảng cách hải hành sang Xiêm La và vị trí nằm giữa Đại Việt với Xiêm La khiến địa danh này khó có thể được đồng nhất một cách đơn giản với Chiêm Thành theo nghĩa thông thường.

Xung quanh danh xưng “*Bản Địa Quốc*” trong Hải Lục - 海陸 - các bản hiệu đính và chú thích hiện còn tồn tại nhiều cách giải thích khác nhau. Trong đó, nhận định của nhà tư tưởng Khai sáng, chính trị gia, nhà văn và nhà địa lý nổi tiếng của triều đại nhà Thanh, Ngụy Nguyên - 魏源 (1794- 1857) - và nhà sử học, nhà ngôn ngữ học và dịch giả nổi tiếng của Trung Quốc hiện đại, Phùng Thừa Quân - 馮承均 (1887-1946) - rằng “*Bản Địa Quốc không phải là Chiêm Thành*” là một ý kiến có cơ sở. Căn cứ vào vị trí hải hành, sản vật và bối cảnh địa lý, việc loại trừ Chiêm Thành khỏi phạm vi nhận diện của “*Bản Địa Quốc*” là hợp lý.

Tuy nhiên, nếu từ đó vệt vàng khẳng định thực thể này chỉ có thể là Campuchia, thì lập luận ấy vẫn chưa bao quát hết sự phức tạp của cục diện chính trị vùng Tây Nam thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19.

Bởi trong giai đoạn nhĩ vị cư sĩ Phật tử Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích cai quản Hà Tiên, vùng đất này tuy giữ quan hệ thần thuộc với chúa Nguyễn ở Đàng Trong, nhưng trên thực tế lại vận hành như một chính quyền tự trị ở vùng biển Tây Nam. Phạm vi ảnh hưởng của họ Mạc không chỉ giới hạn ở khu vực Hà Tiên theo nghĩa hẹp, mà còn lan rộng đến nhiều vùng duyên hải và cửa biển từng thuộc không gian Hạ Chân Lạp.

Cùng thời gian ấy, tiến trình mở rộng của các chúa Nguyễn về phương Nam và Tây Nam diễn ra liên tục. Từ Gia Định, quyền lực Đàng Trong từng bước tiến sâu vào vùng đất Nam Bộ. Những vùng đất phía Đông sông Hậu, rồi các khu vực hạ lưu liên hệ với Chân Lạp, dần dần được đặt vào mạng lưới quản trị của người Việt.

Trong bối cảnh ấy, “*Bản Địa Quốc*” trong Hải Lục - một tác phẩm được biên soạn vào năm 1820, tức sau nhiều biến chuyển lớn của thế kỷ 18 - không nên được hiểu đơn giản là vương quốc Chân Lạp theo nghĩa truyền thống.

Đến đầu thế kỷ XIX, Chân Lạp không còn giữ nguyên quyền kiểm soát trực tiếp đối với nhiều vùng hạ lưu và duyên hải từng thuộc phạm vi lịch sử của mình. Ngược lại, Hà Tiên - Cảng Khẩu dưới quyền họ Mạc, rồi sau đó dần được tích hợp vào hệ thống cai trị của nhà Nguyễn, lại chính là thực thể đã để lại dấu ấn sâu đậm trên các tuyến hải hành từ Long Nại, Gia Định xuống vịnh Xiêm.

Vì vậy, khi Lữ Điều Dương - 呂調陽, 1832-1892 - một học giả khảo chứng và địa lý học dưới thời Đồng Trị, chú giải rằng “*Bản Địa Quốc chính là Cảng Khẩu Quốc*”, nhận định ấy tỏ ra rất đáng chú ý.

Cách xác định này dường như phù hợp hơn với mạng lưới địa danh đã xuất hiện trong nhiều nguồn tư liệu khác: Cảng Khẩu Quốc, Côn Đại Ma, Pontameas, Ponthiamas, Can Cao hay Hà Tiên.

Những tên gọi ấy, tuy khác nhau về ngôn ngữ và cách phiên âm, đều cùng chỉ về một vùng đất nằm bên bờ Đông vịnh Xiêm - nơi dòng họ Mạc từng dựng nên một thương cảng tự trị nổi tiếng.

Từ đó, có thể thấy những phê bình của Ngụy Nguyên và Phùng Thừa Quân đối với Tạ Thanh Cao cần được nhìn nhận lại một cách công bằng hơn. Khi họ cho rằng ghi chép của Tạ Thanh Cao chỉ dựa vào lời truyền miệng của thương nhân và thủy thủ, hoặc cho rằng ông nghe thấy mà chưa khảo chứng đầy đủ, những

nhận định ấy có phần đúng nếu xét theo tiêu chuẩn khảo chứng văn bản nghiêm ngặt.

Tuy nhiên, không nên vì thế mà xem nhẹ giá trị thực địa trong lời thuật của Tạ Thanh Cao. Tạ Thanh Cao là một người đi biển từng trải. Tri thức của ông không chỉ đến từ sách vở. Nó được hình thành từ những chuyến hải hành, từ các thương cảng, từ lời kể của thủy thủ, thương nhân và từ chính kinh nghiệm quan sát trên biển. Đối với lịch sử hàng hải, loại tri thức ấy nhiều khi bảo lưu được những nhận thức địa lý mà thư tịch chính thống không ghi chép đầy đủ.

Vấn đề không nằm ở chỗ Tạ Thanh Cao hoàn toàn đúng hay hoàn toàn sai. Vấn đề là phải đặt lời thuật của ông vào đúng bối cảnh của một thế giới hàng hải tiền hiện đại, nơi địa danh thường thay đổi theo ngôn ngữ, theo người ghi chép, theo tuyến buôn bán và theo cách nhận diện thực tế của thủy thủ. Trong thế giới ấy, Hà Tiên có thể là Căng Khẩu. Có thể là Côn Đại Ma. Có thể là Ponthiamas trong hải đồ phương Tây. Và cũng có thể hiện lên trong Hải Lục dưới tên gọi “*Bản Địa Quốc*”.

Chính vì vậy, kiến giải của Lữ Điều Dương rằng “*Bản Địa Quốc tức Căng Khẩu Quốc*” đã mở ra một hướng đọc hợp lý hơn. Thay vì cưỡng ép địa danh ấy vào Chiêm Thành hoặc Campuchia theo những khái niệm chính trị quá rộng, ông đã đặt nó trở lại gần với mạng lưới hải trình thực tế ở vùng biển Tây Nam.

Ở hướng khảo cứu gần đây, nhà hiệu đính An Kinh cũng dường như nghiêng về cách hiểu này khi đối chiếu các danh xưng cổ trong thư tịch Trung Hoa với hệ thống địa danh trên hải đồ phương Tây.

Theo các khảo chứng danh xưng, Căng Khẩu Quốc có mối liên hệ mật thiết với Pontameas hay Ponthiamas trong tài liệu phương Tây. Trong cổ tịch Trung Hoa, địa danh này từng được ghi qua nhiều lối phiên âm như Y Đại Ma, Doãn Đại Ma, Côn Đại Ma. Còn trong tiếng Việt, vùng đất ấy chính là Hà Tiên - một không gian lịch sử vốn nguyên thuộc phạm vi ảnh hưởng của Chân Lạp, nhưng từ cuối thế kỷ XVII đã được họ Mạc khai phá, tổ chức và đưa vào mối quan hệ thần thuộc với chính quyền chúa Nguyễn.

Như vậy, “*Bản Địa Quốc*” không nên được xem như một ẩn số biệt lập. Nó cần được đặt trong cả một chuỗi danh xưng hàng hải: Căng Khẩu Quốc. Côn Đại Ma. Pontameas. Ponthiamas. Hà Tiên. Những tên gọi ấy là những lớp sóng của cùng một ký ức địa lý.

Mỗi nền văn hóa ghi lại vùng đất này bằng một âm thanh khác nhau. Người Hoa gọi theo lối phiên âm và nhận thức cảng thị. Người phương Tây ghi theo tai

nghe trên hải trình. Người Việt gọi là Hà Tiên.

Nhưng phía sau tất cả là một thực thể lịch sử đã từng giữ vị trí đặc biệt ở vùng biển Tây Nam: một thương cảng tự trị, một cửa ngõ giữa Đại Việt, Chân Lạp và Xiêm La, và một trung tâm giao thương do dòng họ Mạc tạo dựng.

Vì thế, khi khảo sát “*Bản Địa Quốc*” trong Hải Lục, điều quan trọng không chỉ là giải quyết một bài toán địa danh học. Điều quan trọng hơn là nhìn thấy cách Hà Tiên đã hiện diện trong trí nhớ của những người đi biển. Không phải như một vùng đất vô danh. Mà như một điểm đến có tên gọi riêng, có hải cảng, có sản vật, có cư dân, có chính quyền và có vị trí riêng trên những tuyến đường biển nối Long Nại, Gia Định với vịnh Xiêm.

Từ góc nhìn ấy, nhận định “*Bản Địa Quốc chính là Cảng Khẩu Quốc*” không chỉ là một chú giải địa danh. Nó là chìa khóa giúp mở lại một cánh cửa đã bị lớp bụi thời gian che phủ.

Qua cánh cửa ấy, Hà Tiên hiện ra không chỉ trong sử Việt, mà còn trong ký ức hàng hải của người Hoa, trong hải đồ phương Tây và trong dòng mậu dịch rộng lớn của Đông Nam Á thế kỷ 18 – đầu thế kỷ 19.

Đó là một Hà Tiên nhiều tên gọi nhưng chỉ có một linh hồn lịch sử: vùng đất của biển cả, thương mại, di dân, văn chương và Phật pháp; nơi họ Mạc đã biến một bến cảng nơi biên viễn thành một trung tâm giao hội của quyền lực, văn hóa và đạo học bên bờ Đông vịnh Xiêm.

## **25. Hà Tiên sau thời cực thịnh: “*Mạc thị thế nghiệp*” giữa cơn biến động cuối thế kỷ 18**

Vào buổi giao thời giữa thế kỷ 17 và 18, một hào phú gốc Lôi Châu, phủ Quảng Đông, tên là Ce sĩ Mạc Cửu - 冼 氏 九 - đã vượt biển phương Nam, tìm đến vùng đất Hà Tiên để gây dựng cơ đồ. Từ một miền biên viễn thưa vắng, ông từng bước chiêu tập lưu dân, khai khẩn đất hoang, mở mang cảng thị và kết nối những tuyến giao thương hải ngoại. Chính trong tiến trình ấy, một thực thể cảng thị đặc thù dần định hình bên bờ Đông vịnh Xiêm - vùng đất mà một số thư tịch Trung Hoa về sau gọi là Cảng Khẩu Quốc.

Nhưng Hà Tiên sinh ra giữa một vùng địa - chính trị chưa bao giờ bình lặng.

Phía Đông là thế lực chúa Nguyễn đang từng bước mở rộng cương vực về phương Nam. Phía Tây là Xiêm La luôn hướng tầm ảnh hưởng sang bán đảo Đông Dương. Ở giữa, vương quốc Chân Lạp liên tục chìm trong những cuộc



tranh chấp vương quyền và nội loạn triều miên.

Chính những biến động ấy đã nhiều lần cuốn Hà Tiên vào vòng binh lửa.

Lợi dụng tình trạng phân tranh trong nội bộ Chân Lạp, Xiêm La từng đưa quân tiến công vùng Hà Tiên. Những cuộc xâm lấn ấy khiến vùng đất họ Mạc nhiều phen bị tàn phá, đồng thời đặt Hà Tiên vào thế giằng co ảnh hưởng giữa Xiêm La và chính quyền chúa Nguyễn.

Bởi vậy, lịch sử Hà Tiên trong thế kỷ 18 không thể được nhìn như một đường thẳng đơn giản từ Chân Lạp sang Đại Việt. Đó là lịch sử của một vùng biên. Một vùng đất nằm giữa những thế lực lớn. Một chính quyền địa phương phải liên tục tìm kiếm thế cân bằng để sinh tồn.

Từ khoảng thập niên 1670, khi Cư sĩ Mạc Cửu bắt đầu gây dựng cơ nghiệp, cho đến những năm 1770, Hà Tiên đã trải qua gần một thế kỷ hưng thịnh. Từ một cảng thị nhỏ bé nơi biên viễn, vùng đất này từng bước vươn lên thành một trung tâm chính trị, thương mại và văn hóa có ảnh hưởng đáng kể ở phía Nam bán đảo Đông Dương.

Những cánh buồm từ Quảng Đông tìm đến. Thương nhân từ Xiêm La qua lại. Các tuyến hàng hải nối Hà Tiên với vùng Nam Hải ngày càng rộng mở. Dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Chiêu Anh Các lại thắp sáng một đời sống văn chương hiếm thấy nơi miền biên hải. Hà Tiên đã có một thời đại của riêng mình. Nhưng quy luật thịnh suy của lịch sử chưa từng vì một đô thị phồn hoa mà dừng bước.

Năm Tân Mão (1771), một cuộc tiến công quy mô lớn của quân Xiêm đã giáng xuống Hà Tiên. Thành thị bị tàn phá, dân cư ly tán, hoạt động thương mại đình đốn. Vùng đất từng được thương nhân phương xa tìm đến trong cảnh thuyền bè tấp nập nhanh chóng rơi vào tiêu điều.

Một thời kỳ hoàng kim bắt đầu khép lại. Thế nhưng, chiến tranh có thể phá hủy thành quách, thiêu rụi phố chợ và làm gián đoạn những tuyến thương mại; nó vẫn chưa thể lập tức xóa bỏ địa vị lịch sử mà dòng họ Mạc đã gây dựng suốt gần một thế kỷ.

Trong nhận thức của các thế lực liên quan, Hà Tiên vẫn gắn liền với cơ nghiệp họ Mạc.

Thư tịch từng dùng bốn chữ “*Mạc thị thế nghiệp*” - 𣎵𣎵𣎵𣎵 - để chỉ tình trạng ấy: cơ nghiệp truyền đời của họ Mạc.

Điều đặc biệt là, giữa những biến động liên tục của cuối thế kỷ 18, cả chính quyền Xiêm La lẫn lực lượng Chúa Nguyễn Đại Việt Quốc, trong những hoàn cảnh khác nhau, đều từng phải thừa nhận vai trò của hậu duệ họ Mạc tại Hà Tiên.

Đối với Xiêm La, dòng họ Mạc là một lực lượng địa phương có ảnh hưởng lâu đời ở vùng biên giới phía Đông vịnh Xiêm.

Đối với chúa Nguyễn, họ Mạc là một dòng thần thuộc đã tiếp nhận sắc phong và giữ đất Hà Tiên qua nhiều thế hệ.

Hai hệ thống quyền lực ấy có cách nhìn khác nhau. Nhưng cùng gặp nhau ở một điểm: Hà Tiên chưa thể dễ dàng tách khỏi tên tuổi họ Mạc.

Bởi vậy, trong nhiều giai đoạn, hậu duệ dòng họ này vẫn tiếp tục được trao quyền trông coi vùng đất cũ. Đó không hẳn là sự thừa nhận một quốc gia độc lập, cũng chưa thể gọi là chủ quyền thế tập theo nghĩa pháp lý hiện đại. Nhưng rõ ràng, nó phản ánh một thông lệ chính trị đã tồn tại lâu dài: quyền quản trị Hà Tiên gắn bó đặc biệt với dòng họ Mạc.

Thông lệ ấy kéo dài qua chiến tranh. Qua những năm Tây Sơn nổi dậy. Qua những cuộc lưu vong của Nguyễn Ánh. Và qua cả thời kỳ Xiêm La nhiều lần can dự sâu vào cục diện vùng Tây Nam. Nhưng rồi lịch sử bước sang một thời đại khác.

Khi phong trào Tây Sơn làm rung chuyển toàn bộ trật tự Đàng Trong, khi Nguyễn Ánh từng bước tập hợp lực lượng để khôi phục cơ nghiệp chúa Nguyễn, và khi Xiêm La cũng không ngừng tính toán lợi ích tại vùng vịnh Xiêm, Hà Tiên không còn có thể đứng yên trong vị thế cũ.

Một thương cảng từng phồn hoa. Một vùng biên từng tự chủ. Một cơ nghiệp từng được gọi là “*Mạc thị thế nghiệp*”. Tất cả bắt đầu phải đối diện với một trật tự quyền lực mới, quyết liệt hơn, tập trung hơn và ít dung chứa hơn đối với những mô hình tự trị vùng biên như thời Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích.

Từ đây, lịch sử Hà Tiên bước vào một chương đầy biến động: chương của suy tàn, thích nghi và tái định vị trong cục diện mới của cuối thế kỷ 18 - đầu thế kỷ 19.

## **26. Từ “*Mạc thị thế nghiệp*” đến “*Kim nhập Việt Nam*”: Hà Tiên trong trật tự mới của Triều Nguyễn**

Năm 1802, cuộc chiến kéo dài nhiều thập niên giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn đi đến hồi kết. Nguyễn Phúc Ánh thống nhất giang sơn, lên ngôi Hoàng đế tại Phú Xuân, lấy niên hiệu Gia Long, khai sáng vương triều Nguyễn.

Lần đầu tiên sau một thời gian dài phân tranh, một chính quyền quân chủ thống nhất kiểm soát dải lãnh thổ rộng lớn từ Bắc xuống Nam.

Trong trật tự chính trị mới ấy, vị thế đặc thù của Hà Tiên tất yếu phải được nhìn nhận lại.

Năm Quý Hợi 1803, triều Gia Long tiến hành củng cố bộ máy quản trị ở phương Nam. Hệ thống các dinh trấn Biên Hòa, Phiên An, Định Tường và Vĩnh Thanh được đặt dưới cơ chế tổng quản quân dân; Hà Tiên được xếp vào hàng phụ trấn và chịu sự kiêm quản trong hệ thống Gia Định.

Đó là một chuyển biến có ý nghĩa sâu sắc.

Suốt thời họ Mạc, Hà Tiên từng duy trì một không gian tự trị rất rộng. Người đứng đầu họ Mạc cai quản quân dân, tổ chức phòng thủ, điều hành thương mại, và trong nhiều thời kỳ còn trực tiếp giao tiếp với các thế lực bên ngoài.

Nhưng khi vương triều Nguyễn đã thống nhất đất nước, triều đình Phú Xuân không còn lý do để tiếp tục duy trì nguyên vẹn một cơ chế tự trị hình thành từ thời biên cương còn phân tán.

Từng bước một, Hà Tiên được đưa vào hệ thống hành chính trực tiếp của hoàng triều. Và đến năm Canh Ngọ (1810), niên hiệu Gia Long thứ chín, một biến cố đã đánh dấu bước ngoặt quyết định.

Cư sĩ Mạc Công Du - 阮公杜 - người đang đảm nhiệm việc cai quản Hà Tiên, bị triều đình cách chức để thẩm tra vụ án. Nhà vua đồng thời sai Lê Tiến Giảng đến thay thế, trực tiếp nắm giữ trấn vụ.

Nếu chỉ nhìn bề ngoài, đây dường như là một cuộc thay đổi nhân sự địa phương.

Nhưng đối với lịch sử Hà Tiên, ý nghĩa của nó sâu xa hơn rất nhiều.

Lần đầu tiên, triều đình Nguyễn công khai đặt một viên quan không thuộc dòng họ Mạc vào vị trí trực tiếp cai quản vùng đất từng được xem là “Mạc thị thế nghiệp”.

Thông lệ kéo dài hơn một thế kỷ bắt đầu bị phá vỡ.

Biến động ấy nhanh chóng gây phản ứng từ phía Xiêm La. Triều đình Xiêm lên tiếng về việc nhà Nguyễn thay đổi người cai quản Hà Tiên. Nhưng lần này, Phú

Xuân không còn là chính quyền chúa Nguyễn của thế kỷ trước - một thế lực phương Nam còn phải đối đầu với họ Trịnh, Chân Lạp và nhiều lực lượng khu vực.

Trước mặt Xiêm La lúc ấy là một vương triều Nguyễn vừa thống nhất quốc gia. Và câu trả lời của triều Gia Long hết sức dứt khoát.

Trong công văn phúc đáp, triều đình khẳng định Hà Tiên là đất thuộc cương vực của bản triều; việc đặt quan cai trị là công việc nội bộ của nhà Nguyễn, không phải vấn đề để Xiêm La can dự.

Tinh thần ấy được thể hiện rõ qua quan niệm: *“Bản triều đình cương vũ”* - bờ cõi của triều đình ta.

Hà Tiên không còn được nhìn như một vùng đất trao riêng cho một dòng họ quản trị đời đời. Triều đình cũng bác bỏ cách hiểu nơi đây là *“khuê điền thái ấp”*, tức một thứ ruộng đất phong cấp có thể mặc nhiên truyền lại như sản nghiệp thế tập.

Nói cách khác, Gia Long đã đặt ra một nguyên tắc chính trị hoàn toàn rõ ràng: Hà Tiên là lãnh thổ của quốc gia. Không phải sản nghiệp của một dòng họ. Dòng họ Mạc từng có công khai phá. Từng trấn giữ biên cương. Từng dựng nên một thương cảng phồn hoa. Và từng để lại một di sản văn hóa rực rỡ. Nhưng quyền quản trị Hà Tiên không vì thế mà trở thành một quyền thế tập bất khả xâm phạm. Từ thời điểm ấy, cơ chế *“Mạc thị thế nghiệp”* thực sự đi đến hồi kết.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu từng dựng nên Hà Tiên trong một thời đại mà biên giới còn mờ nhạt, quyền lực còn phân tán và những vùng cảng thị có thể tự tìm con đường sinh tồn giữa các thế lực lớn, thì Gia Long lại sống trong một thời đại khác. Đó là thời đại của một vương triều thống nhất. Của bộ máy hành chính tập quyền. Và của một quan niệm ngày càng rõ ràng hơn về cương vực quốc gia. Hai thời đại gặp nhau tại Hà Tiên. Một bên là cơ nghiệp của họ Mạc. Một bên là quyền lực của vương triều Nguyễn.

Năm Canh Ngọ (1810), cán cân lịch sử đã nghiêng hẳn về phía hoàng triều. Bởi vậy, trong phần chú thích của Hải Ngữ được thu vào bộ Tiểu Phươg Hồ Trai Dư Địa Tũng Sao dưới thời Quang Tự, người đời sau chỉ cần viết một câu ngắn: *“Kim nhập Việt Nam.”* “□□□□ .” tức *“Nay đã nhập vào Việt Nam.”* Chỉ bốn chữ. Nhưng phía sau bốn chữ ấy là gần một thế kỷ rưỡi lịch sử. Là cuộc vượt biển của Mạc Cửu. Là những lưu dân tìm về Hà Tiên. Là thương thuyền trên vịnh Xiêm. Là những cuộc chiến với Xiêm La. Là những biến động của Chân Lạp. Là sự thần thuộc với chúa Nguyễn. Là thời đại văn chương của Mạc Thiên Tích và Chiêu

Anh Các. Và cuối cùng, là sự hình thành của một nhà nước quân chủ thống nhất dưới triều Nguyễn.

Cảng Khẩu Quốc đã khép lại sứ mệnh lịch sử của mình. Cơ nghiệp thế tập của họ Mạc cũng đi đến hồi kết. Nhưng Hà Tiên không biến mất. Vùng đất ấy chỉ bước sang một chương mới.

Từ một cảng thị tự trị nơi biên hải, Hà Tiên chính thức hòa nhập sâu vào cơ cấu hành chính của quốc gia Việt Nam thống nhất. Thành quách có thể đổi chủ. Thể chế có thể thay hình. Những cánh buồm từng phủ kín cửa biển rồi cũng có ngày thưa vắng. Nhưng dấu ấn của họ Mạc vẫn còn lưu lại trên vùng đất Hà Tiên.

Trong những ngôi cổ tự. Trong thơ văn Chiêu Anh Các. Trong ký ức của những thương nhân từng vượt biển.

Và trong chính lịch sử mở cõi về phương Nam của dân tộc Việt Nam.

Một chính thể có thể khép lại. Nhưng một di sản văn hóa, nếu đã thực sự bén rễ vào lòng đất và lòng người, vẫn có thể tiếp tục sống qua nhiều thế kỷ.

## 27. Hà Tiên: Vùng đất nhỏ giữa những thế lực lớn

Hà Tiên thuở ban sơ vốn là một miền đất thuộc không gian Chân Lạp, nằm nơi đầu sóng ngọn gió của vùng biển Tây Nam. Về sau, vùng đất ấy hướng về Quảng Nam, thần phục chúa Nguyễn để tìm một thế dựa chính trị; nhưng ở phía Tây, Xiêm La vẫn không ngừng mở rộng ảnh hưởng, nhiều phen đem quân uy hiếp và can dự vào cục diện khu vực.

Hà Tiên vì thế sinh tồn giữa một thế đất vô cùng hiểm nghèo. Phía Đông là Đàng Trong đang trên đà mở cõi. Phía Tây là Xiêm La hùng cường. Phía Bắc và Tây Bắc là Chân Lạp liên tục chìm trong những cuộc tranh đoạt vương quyền. Còn trước mặt là biển cả mênh mông - con đường vừa mang đến phồn vinh, vừa có thể đưa chiến thuyền ngoại bang bất thần áp sát cửa thành.

Giữa những lân bang luôn “*hổ thị đam đam*” - 虎视眈眈, nhìn chăm chăm như hổ rình mồi - Hà Tiên tưởng chừng đã bị lịch sử định sẵn cho một số phận nhỏ bé: một miền biên viễn nghèo nàn, một vùng đất mờ nhạt nằm giữa những cường quyền lớn hơn mình.

Nhưng lịch sử đã diễn ra theo một hướng hoàn toàn khác. Từ một vùng đất thưa vắng nơi bờ Đông vịnh Xiêm, Cư sĩ Mạc Cửu đã dựng nên cơ nghiệp. Từ cơ nghiệp ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích tiếp tục mở rộng một thời đại. Hai thế hệ cha con họ Mạc, bằng tầm nhìn xa rộng, tài kinh bang tế thế và nghệ thuật ứng xử

chính trị linh hoạt, đã đưa Hà Tiên vượt khỏi thân phận của một vùng biên thùy.

Có những thời điểm, tiếng nói của Hà Tiên trực tiếp dự phần vào cục diện chính trị của Chân Lạp. Có những lúc, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đứng ra làm trung gian giữa quốc vương Cao Miên và triều đình chúa Nguyễn.

Khi Xiêm La biến động, tin tức từ Hà Tiên được phái viên Lương Quảng tìm đến dò hỏi. Khi thương thuyền Quảng Đông xuôi Nam, Hà Tiên trở thành một điểm dừng quen thuộc trên hải lộ tiến về vịnh Xiêm. Và khi văn nhân Hoa Nam nhắc đến miền hải ngoại, tên tuổi vị Đô đốc họ Mạc cũng đã vượt biển đi vào những trang thi thoại.

Một vùng đất nhỏ đã tìm được vị trí của mình giữa những thế lực lớn. Đó mới chính là điều phi thường nhất của Hà Tiên. Sức mạnh của họ Mạc không nằm ở một đội quân có thể tranh hùng với Xiêm La.

Cũng không nằm ở một cương vực rộng lớn đủ để đối đầu với Đại Việt hay Chân Lạp. Sức mạnh thực sự của Hà Tiên nằm ở khả năng hiểu thời thế. Biết lúc nào phải dựa. Biết lúc nào phải giữ. Biết khi nào cần mở cửa biển đón thương thuyền. Và biết dùng ngoại giao để làm những việc mà binh đao không thể hoàn thành.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người dựng nền, khai mở cơ nghiệp Hà Tiên giữa miền biên hải nhiều phong ba, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích chính là người đưa nghệ thuật trị quốc của họ Mạc bước vào thời kỳ rực rỡ nhất.

Dưới thời ông, Hà Tiên không chỉ có quân lũy, thương cảng và những cánh buồm xuôi ngược trên vịnh Xiêm. Hà Tiên còn có văn chương, giáo dục, Phật giáo, tao đàn, danh lam cổ tự và một đời sống tinh thần phong phú hiếm thấy nơi vùng đất biên viễn. Chính sự kết hợp hài hòa giữa trị quốc, thương mại, văn hóa và đạo pháp đã làm nên chiều sâu đặc biệt của Hà Tiên: một vùng đất tuy nhỏ về cương vực, nhưng lớn về tầm nhìn; tuy ở cuối trời phương Nam, nhưng biết nối mình với những hải lộ, những văn mạch và những dòng chảy quyền lực rộng lớn của Đông Nam Á.

Bởi vậy, khi cơ chế tự trị của họ Mạc khép lại dưới triều Gia Long, điều còn lại không chỉ là ký ức về một chính quyền địa phương từng hiện hữu nơi biên trấn.

Điều còn lại là một di sản. Di sản của một vùng đất biết biến hiểm nguy thành cơ hội. Biết biến bến cảng thành thương đô. Biết biến nơi biên viễn thành miền văn hiến. Và biết để tiếng chuông chùa, tiếng thơ Chiêu Anh Các cùng những cánh buồm vượt biển hòa quyện vào nhau, tạo nên một chương sử đặc biệt trong lịch sử phương Nam.



Từ Cảng Khẩu Quốc đến Hà Tiên trong lòng quốc gia Việt Nam thống nhất, vùng đất ấy đã đi qua nhiều lớp định danh, nhiều cơ chế quyền lực và nhiều biến động dữ dội. Nhưng trong mọi chuyển động của lịch sử, Hà Tiên vẫn giữ được một linh hồn riêng: linh hồn của biển cả, của người mở cõi, của văn chương và của Phật pháp.

Đó là phần di sản sâu xa mà họ Mạc đã để lại. Và cũng chính là lý do khiến Hà Tiên, dù chỉ là một vùng đất nhỏ bên bờ Đông vịnh Xiêm, vẫn có một vị trí lớn lao trong ký ức lịch sử dân tộc.

## **28. Cư sĩ Mạc Thiên Tích: Nghệ thuật ngoại giao của một vùng đất nhỏ giữa các cường quyền**

Trong lịch sử vùng biển Tây Nam thế kỷ 18, Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiện lên như một nhân vật có khả năng vận động giữa nhiều không gian quyền lực khác nhau.

Với chúa Nguyễn, ông giữ đạo thần thuộc. Với Chân Lạp, ông nhiều lần can dự vào những biến chuyển vương quyền, che chở người thất thế và làm trung gian dâng biểu xin phong. Với Xiêm La, ông vừa phải đề phòng sức ép quân sự, vừa không thể cắt đứt những quan hệ thương mại và chính trị vốn gắn liền với vịnh Xiêm. Còn đối với Trung Hoa nhà Thanh, Cư sĩ Mạc Thiên Tích lại lựa chọn một con đường khác.

Ông không có một biên giới đất liền để giao tiếp trực tiếp với đại quốc phương Bắc. Con đường của Hà Tiên hướng về nhà Thanh là con đường biển. Trên những cánh buồm từ Quảng Đông đến Hà Tiên, hàng hóa đi về. Nhưng cùng với hàng hóa còn có thư tín, thi văn, tin tức và những mối giao hảo giữa người với người.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích hiểu rất rõ sức mạnh của giới sĩ phu Hoa Nam. Bởi vậy, ông trọng văn, trọng sĩ, kính người tài và mở rộng cánh cửa Hà Tiên đối với thương nhân, văn nhân cùng những luồng tri thức đến từ Quảng Đông.

Những giai thoại được La Thiên Xích ghi lại không phải là chuyện ngẫu nhiên. Việc thơ văn Cư sĩ Mạc Thiên Tích được giới văn nhân Hoa Nam biết đến cũng không phải một hiện tượng biệt lập. Phía sau đó là cả một nghệ thuật tạo dựng thanh danh.

Trong thế giới Đông Á thời tiền hiện đại, thanh danh đôi khi cũng là một thứ quyền lực. Một người cai trị vùng biên nếu chỉ có quân đội, các quốc gia lớn có thể xem ông như một thủ lĩnh địa phương. Nhưng khi người ấy được văn nhân

biết đến, được thương nhân kính trọng, được tên tuổi truyền qua các cảng biển và được ghi lại trong thư tịch ngoại quốc, địa vị của ông trong nhận thức khu vực đã trở nên khác biệt.

Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã hiểu điều ấy. Ông không chỉ dựng thành. Ông dựng thanh danh cho Hà Tiên. Ông không chỉ mở cảng. Ông mở những con đường giao hảo. Và ông không chỉ chiêu tập dân cư. Ông chiêu tập cả văn nhân.

Chính vì vậy, trong dòng xoáy chính trị của bán đảo Đông Dương thế kỷ 18, Cư sĩ Mạc Thiên Tích giống như một người hoa tiêu lão luyện đứng trước muôn trùng sóng dữ. Con thuyền Hà Tiên nhỏ hơn những chiến hạm của các cường quốc lân bang. Nhưng người cầm lái hiểu luồng nước, biết chiều gió và biết rằng giữa biển lớn, đôi khi sự sống còn không thuộc về con thuyền lớn nhất, mà thuộc về người hiểu rõ nhất con đường mình đang đi.

Nhờ nghệ thuật ngoại giao mềm dẻo ấy, ảnh hưởng của Cư sĩ Mạc Thiên Tích từng vượt xa phạm vi Hà Tiên. Trong một số nguồn tư liệu và truyền thuật đương thời, ông thậm chí được gắn với danh xưng “*Cao Miên Vương*”. Dĩ nhiên, đây không phải một vương hiệu chính thức do Hoàng đế Trung Hoa hay chúa Nguyễn sắc phong. Cư sĩ Mạc Thiên Tích cũng chưa từng chính thức đăng cơ làm Quốc vương Chân Lạp. Nhưng chính sự xuất hiện của danh xưng ấy lại phản ánh một thực tế lịch sử đáng chú ý.

Đối với người đương thời, quyền thế và ảnh hưởng của vị chủ soái Hà Tiên đã lớn đến mức tên tuổi ông có thể được liên hệ với cục diện vương quyền Cao Miên.

Ông từng che chở Quốc vương Chân Lạp Nặc Tôn. Từng thay mặt người kế vị Chân Lạp dâng sớ lên chúa Nguyễn. Từng góp phần đưa một vị quốc vương trở về ngai báu. Và từ những biến chuyển ấy, cương vực Hà Tiên lại được mở rộng thêm. Bởi vậy, hai chữ “*Cao Miên Vương*”, dù không phải một vương tước chính thống, vẫn là một dấu vết đáng suy ngẫm trong ký ức lịch sử.

Nó không nói rằng Cư sĩ Mạc Thiên Tích là vua Cao Miên. Nó nói lên một điều khác. Rằng có một thời, quyền uy của người đứng đầu Hà Tiên đã vượt khỏi bức tường thành của chính mình. Từ một vùng đất nhỏ bên bờ biển Tây Nam, Mạc Thiên Tích có thể dự phần vào việc phế lập và phục vị của một vương triều lân bang; có thể làm trung gian giữa Chân Lạp với chúa Nguyễn; có thể giao tiếp với thương nhân và văn sĩ Hoa Nam; và có thể khiến tên tuổi Hà Tiên xuất hiện trong những tấu sớ, hải đồ cùng thư tịch của người ngoại quốc.

Nếu Cư sĩ Mạc Cửu đã biến một miền đất hoang vu thành nơi có thành quách và phố chợ, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã làm một việc còn khó hơn. Ông khiến thế giới biết đến Hà Tiên. Một vùng đất nhỏ. Một thương cảng nơi biên hải. Một chính quyền nằm giữa những cường quốc lớn hơn mình. Nhưng bằng thương mại, văn hóa và ngoại giao, Hà Tiên đã có một thời khiến những người vẽ hải đồ phải ghi tên nó, khiến thương nhân phải nhớ đường đến, khiến văn nhân phải nhắc tới, và khiến những triều đình lớn quanh vùng không thể hoàn toàn xem nhẹ.

Đó không chỉ là sự phồn thịnh của một thương cảng. Đó là nghệ thuật sinh tồn của một vùng đất nhỏ giữa thời đại của những cường quyền. Và đứng ở đỉnh cao của nghệ thuật ấy là Cư sĩ Mạc Thiên Tích - người đã dùng tài trí, văn chương, thương mại và ngoại giao để đưa Hà Tiên bước vào một trong những thời kỳ rực rỡ nhất của lịch sử biển Tây Nam.

Dưới bóng dáng ông, Hà Tiên không chỉ là một trấn biên. Đó là một điểm gặp gỡ của các thế lực. Một cửa ngõ của hải thương. Một miền văn hiến bên bờ biển. Và cũng là nơi cho thấy rằng, trong lịch sử, một vùng đất nhỏ vẫn có thể tạo nên tầm vóc lớn nếu biết nương vào thời thế, giữ vững bản lĩnh và mở rộng trái tim trước văn hóa, con người cùng đạo pháp.

(Hết phần 3, còn tiếp...)

(Trích dẫn từ: *"Đại học Tế Nam: Triết học và Khoa học Xã hội"*)

Tác giả: □□□

Viết dịch & phóng tác: **Thích Vân Phong**

Nguồn: □□□□□□□□□□